

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1020/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2020 về việc “Vụ án ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 559/2022/QĐST-HNGĐ ngày ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 141/36/2A, Đường TL, Tổ 19, Khu phố C, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trương Thế Thanh Th, sinh năm 1976; Địa chỉ: 141/36/2A đường TL19, Tổ 19, Khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị Thanh T và ông Trương Thế Thanh Th sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 072, quyển số 01/2006, do Ủy ban

nhân dân Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi kết hôn gia đình hai bên không có ai ngăn cản, cảm đoán cũng như cưỡng ép kết hôn, việc kết hôn của bà và Th là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống cảm thấy không được hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung, làm cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm. Nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Thế Thanh Th.

Về con chung: Bà và ông Trương Thế Thanh Th có 02 (hai) con chung tên Trương Thế Thanh T, sinh năm 1997 (Đã trưởng thành) và Trương Ngọc Nh, sinh ngày 14/7/2006. Trong đơn xin ly hôn và bản khai bà T có đề nghị Tòa án cho bà trực tiếp nuôi con tên Trương Ngọc Nh, sinh ngày 14/7/2006. Tuy nhiên, thực tế do bà đã đi khỏi nhà và sống nơi khác, từ trước đến nay cháu Nh sống chung với cha là ông Th, vì vậy để ổn định cuộc sống của con bà đề nghị Tòa án giao cháu Nh cho ông Th trực tiếp chăm sóc con cho đến khi đủ 18 tuổi và bà không cấp dưỡng nuôi cháu Nh.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Thế Thanh Th không đến Tòa, cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được tòa tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập và thông báo tham gia phiên họp cung cấp chứng cứ và hòa giải đến tòa để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

[1] Đây là vụ kiện ly hôn. Do bị đơn đang cư ngụ tại Quận 12 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về thủ tục tố tụng:*

[2] Tòa án đã niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ cư trú của bị đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về yêu cầu của các đương sự:*

[3] Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trương Thanh Thế Th tự nguyện kết hôn vào ngày 14/6/2006, Giấy chứng nhận kết hôn số 072, quyển số 01/2006, do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy theo quy định tại Điều 5, Điều 8 và Điều 9, Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân và gia đình của bà T và ông Th có giá trị pháp lý.

[4] Ngày 01/12/2021, Ban chấp hành phụ nữ phường Thạnh Lộc, Quận 12 trả lời về tình trạng hôn nhân của bà T và ông Th như sau “Mâu thuẫn giữa ông Th và bà T không trình báo với chính quyền địa phương nên Hội phụ nữ không nắm rõ mâu thuẫn là gì, nếu ly hôn thì ông Th sẽ là người chăm sóc con”.

Công an phường Thạnh Lộc, Quận 12 có xác nhận đương sự Trương Thế Thanh Th, sinh năm 1976, có Hộ khẩu thường trú và thực tế đang cư trú, sinh sống tại 141/36/2A, đường TL19, Tổ 19, Khu phố 3C, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã thông báo triệu tập ông Th đến Tòa để tham gia phiên tòa xét xử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông Th không tham gia. Từ đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Th là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở, nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà T và ông Trương Thế Thanh Th có 02 con chung tên Trương Thế Thanh T, sinh năm 1997 (Đã trưởng thành) và Trương Ngọc Nh, sinh ngày 14/7/2006. Trong đơn xin ly hôn và bản khai bà T có đề nghị Tòa án cho bà trực tiếp nuôi con tên Trương Ngọc Nh, sinh ngày 14/7/2006. Tuy nhiên, thực tế do bà T đã đi khỏi nhà và sống nơi khác, từ trước đến nay cháu Nh sống chung với cha là ông Th, vì vậy để ổn định cuộc sống của con bà T đề nghị Tòa án giao cháu Nh cho ông Th trực tiếp chăm sóc con cho đến khi đủ 18 tuổi và bà không cấp dưỡng nuôi cháu Nh.

Ủy ban nhân dân phường Thạnh Lộc có xác minh về điều kiện nuôi dưỡng con như sau “nếu ly hôn thì ông Th sẽ là người chăm sóc con”. Tại bản tự khai ngày 06/4/2021, trẻ Trương Ngọc Nh trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, theo trình bày của bà T và xác minh của Ủy ban nhân dân phường Thạnh Lộc trẻ Trương Ngọc Nh đang sinh sống ổn định với ông Th. Do đó để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi trẻ nên yêu cầu đề nghị Tòa án giao cháu Nh cho ông Th trực tiếp

chăm sóc con cho đến khi đủ 18 tuổi và bà không cấp dưỡng cho cháu Nh là có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng do bà Phạm Thị Thanh T phải nộp, được căn trù vào biên lai thu số AA/2019/0106208 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 91, 147, 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Trương Thế Thanh Th.

- Về con chung: Có một người con chung tên Trương Ngọc Nh, sinh ngày 14/7/2006, Ông Trương Thế Thanh Th được quyền chăm sóc giáo dục trẻ Trương Ngọc Nh, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Phạm Trần Thanh T, cho đến khi một trong các bên đương sự có yêu cầu khác.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Giấy chứng nhận kết hôn số 072, quyền số 01/2006, do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2006, không còn hiệu lực.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, được căn trù vào biên lai thu số AA/2019/0106208 ngày 09/3/2021, của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Các đương sự;
- UBND phường;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Lê